

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Thanh.

2. Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 67/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 336/TB-TA ngày 23 tháng 8 năm 2021 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975 (Có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn A, xã k, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: *Anh Phan Thế H, sinh năm 1972 (Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn A, xã k, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2021 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Phan Thế H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Hải Hưng (nay là Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 29/12/1995. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng nhau tại thôn Đ, xã N, huyện M, tỉnh Hải Hưng được 03 năm thì chuyển đến sinh sống tại thôn A, xã k, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến

tháng 02/2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xích mích. Năm 2020, chị đã có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H, nhưng sau đó chị đã rút đơn khởi kiện về để anh H có cơ hội thay đổi. Tuy nhiên từ khi chị rút đơn về đến nay, mâu thuẫn của vợ chồng vẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn nói chuyện, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Thế H.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Phan Thành C, sinh năm 1996 và Phan Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/11/2009. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng để cho chị nuôi dưỡng cháu Phan Nguyễn Chí T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Phan Thành C đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Thế H trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 8 năm 2021 và Biên bản hòa giải: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Hải Hưng (nay là Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 29/12/1995. Sau khi kết hôn được 03 năm thì vợ chồng chuyển đến sinh sống tại thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có nảy sinh một số mâu thuẫn, tuy nhiên chưa đến mức trầm trọng. Năm 2020, chị N đã có đơn khởi kiện xin ly hôn, nhưng sau đó chị N đã rút đơn khởi kiện, vợ chồng quay lại đoàn tụ, tiếp tục chung sống. Hiện nay vợ chồng không ly thân, vẫn sống chung nhà, anh tha thiết vợ chồng gần gũi, quan hệ tình cảm nhưng chị N không hợp tác. Nay chị N tiếp tục làm đơn xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nguyện vọng của anh là vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn với chị N, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Phan Thành C, sinh năm 1996 và Phan Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/11/2009. Trường hợp vợ chồng không thể hòa giải mà phải ly hôn thì anh tôn trọng nguyện vọng của cháu T, cháu muốn ở với ai là quyền của cháu. Nếu anh là người nuôi dưỡng cháu T thì anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu C đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Thế H. Về con chung, chị có nguyện vọng được nuôi con chung là Phan Nguyễn Chí T, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh H vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh H có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn **vắng mặt tại phiên tòa là** chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phan Thế H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/11/2009 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0010310 ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết ly hôn, con chung với anh Phan Thế H có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là anh Phan Thế H vắng mặt. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt anh Phan Thế H.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Thế H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Hải Hưng (nay là Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/12/1995. Do vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đến nay không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị N vẫn kiên quyết xin ly hôn, không muốn về đoàn tụ cùng anh Phan Thế H. Bị đơn anh Phan Thế H xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, nên không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2020, chị Nguyễn Thị N làm đơn xin ly hôn anh Phan Thế H, nhưng sau đó chị N rút đơn khởi kiện để đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên chị N từ khi rút đơn về cho đến nay chị N xác định tình trạng vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn còn trở nên trầm trọng hơn. Anh H cũng xác định sau khi chị N rút đơn thì anh vẫn tha thiết vợ chồng gắn gũi, quan hệ tình cảm nhưng chị N không hợp tác. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh H và chị N đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Tòa án cũng đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng chị N vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh H. Điều đó chứng tỏ, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phan Thế H và chị Nguyễn Thị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Thế H có 02 con chung là Phan Thành C, sinh năm 1996 và Phan Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/11/2009. Nay ly hôn, chị N đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị nuôi dưỡng. Anh H tôn trọng ý kiến của con, cháu T muốn ở với ai là quyền của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị N đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung phát triển đảm bảo. Hơn nữa cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do vậy, cần giao con chung là Phan Nguyễn Chí T cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với con chung là Phan Thành C đã trưởng thành, chị N và anh H không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Thế H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phan Thế H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/11/2009 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0010310 ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Văn Thế